

BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH VỀ HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

● BÙI CÔNG HẬU

TÓM TẮT:

Hòa giải, đối thoại tại Tòa án là một chế định hoàn toàn mới trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Do đó, chế định này không tránh khỏi những bất cập, vướng mắc về quy định cũng như khả năng áp dụng vào thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung phân tích, đánh giá xoay quanh những quy định chung và những quy định về trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhằm chỉ ra những bất cập vướng mắc còn tồn đọng. Từ đó, đề ra những giải pháp hữu ích góp phần hoàn thiện các quy định, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính.

Từ khóa: hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thủ tục hòa giải, đối thoại ngoài tố tụng, hòa giải, đối thoại tiền tố tụng, hòa giải viên tại Tòa án.

1. Đặt vấn đề

Luật Hòa giải, đối thoại (HGĐT) tại Tòa án được thông qua vào ngày 16/6/2020 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khóa XIV, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Việc ban hành Luật HGĐT tại Tòa án là hết sức cần thiết trong bối cảnh hàng năm các tranh chấp, khiếu kiện không ngừng tăng lên cả về số lượng và tính chất phức tạp, nhằm hình thành một cơ chế hòa giải, đối thoại mới bổ sung vào bộ khung pháp lý của hệ thống pháp luật Việt Nam. Cơ chế hòa giải, đối thoại tại Tòa án mang lại nhiều ý nghĩa to lớn, giúp giải quyết triệt để, hiệu quả các tranh chấp mà không phải trải qua con đường tố tụng, góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian, công sức của các bên liên quan và Nhà nước, hạn chế tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, gây bức xúc trong dư luận. Qua đó, thực hiện đúng đắn chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng về đa

dạng hóa các phương thức giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính, đánh dấu một bước tiến mới trong công cuộc cải cách nền tư pháp nước nhà mà các văn kiện quan trọng về cải cách tư pháp đã đề cập¹. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng khẳng định: “Việc Tòa án mở rộng thí điểm hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính là một hướng đi đúng đắn. Trên cơ sở tổng kết thí điểm, phải nghiên cứu để tạo ra các thiết chế bảo đảm quyền tự quyết của người dân theo đúng tinh thần việc dân sự cốt ở đôi bên”².

Ngay sau khi Luật HGĐT tại Tòa án được Quốc hội thông qua, Tòa án Nhân dân tối cao (TANDTC) đã khẩn trương thành lập Ban chỉ đạo triển khai thi hành luật này, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật HGĐT, kèm theo đó là hàng loạt các Quyết định được đưa ra, với tinh

thần mang Luật HGĐT đi vào cuộc sống một cách quyết liệt nhất, hiệu quả nhất có thể. Dưới sự chỉ đạo đúng đắn của TANDTC, việc triển khai thi hành Luật HGĐT tại Tòa án ở thời điểm hiện tại đạt nhiều kết quả đáng khích lệ và thể hiện được tính ưu việt, hiệu quả của Luật mang lại. Tuy nhiên, vẫn còn những bất cập, vướng mắc cần được nghiên cứu để hoàn thiện. Do đó, trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ phân tích một số vướng mắc, đồng thời kiến nghị những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Luật HGĐT tại Tòa án.

2. Một số bất cập, vướng mắc trong hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Thứ nhất, vấn đề bảo mật thông tin hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Quy định về vấn đề bảo mật thông tin tại Điều 4 Luật HGĐT tại Tòa án³ quy định Hòa giải viên và các bên không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải, đối thoại trong quá trình hòa giải, đối thoại. Quy định này được cụ thể hóa từ nguyên tắc “*các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải, đối thoại phải được giữ bí mật*”, một trong 9 nguyên tắc mà Luật HGĐT tại Tòa án đã ghi nhận tại Điều 3 Luật HGĐT tại Tòa án. Với quy định chặt chẽ về bảo mật thông tin như trên sẽ giúp các bên yên tâm, tin tưởng khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thoải mái trình bày với Hòa giải viên những vấn đề liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện, kể cả thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật nghề nghiệp, công nghệ, kinh doanh,... mà không sợ bị tiết lộ thông tin đó cho người khác. Bên cạnh đó, Luật còn tạo điều kiện cho các bên có thể sử dụng tài liệu, lời trình bày của các bên trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc nếu bên đã xuất trình tài liệu, trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải, đối thoại đồng ý việc sử dụng tài liệu, lời trình bày của mình trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ hoặc phải sử dụng làm chứng cứ theo quy định của luật⁴.

Tuy nhiên, tác giả cho rằng quy định này vẫn có điểm chưa hợp lý. Trước hết, quy định hiện hành của Luật HGĐT có phần mâu thuẫn với BLTTDS và thậm chí gây khó khăn cho Thẩm

phán phụ trách hòa giải trong việc xem xét căn cứ để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải, đối thoại thành tại Tòa án⁵. Theo quy định tại khoản 5 Điều 95 BLTTDS 2015⁶ quy định lời khai, lời trình bày phải được ghi bằng văn bản, băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác chứa âm thanh, hình ảnh mới được xem là chứng cứ. Sở dĩ như thế là vì chứng cứ là những gì có thật, tồn tại khách quan, có thể thấy được, đọc được, nghe được, phải liên quan tới vụ việc và phải hợp pháp. Do đó, trong quá trình các bên tiến hành hòa giải, đối thoại, nếu muốn sử dụng những lời trình bày để làm chứng cứ thì phải ghi âm, ghi hình hoặc ghi biên bản những lời trình bày đó. Có như vậy, những lời trình bày đó mới thỏa mãn điều kiện chứng cứ theo quy định của BLTTDS.

Hơn nữa, với quy định không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải, đối thoại trong quá trình hòa giải, đối thoại, liệu có căn cứ để xác định được những thỏa thuận của các bên? Hòa giải, đối thoại thành hay không thành? Chưa kể sau khi hòa giải, đối thoại thành, khi tiến hành mở phiên họp công nhận, các bên có thay đổi ý kiến và không thỏa thuận được hoặc chỉ thỏa thuận được một phần thì sao? Với quy định tại khoản 4 khoản 5 Điều 2, khoản 6 Điều 33 Luật HGĐT tại Tòa án 2020 có vẻ như làm luật xác định trường hợp các bên thỏa thuận một phần nội dung cũng được xem là hòa giải thành, đối thoại thành. Điều này liệu có bất hợp lý khi vụ việc vẫn phải do Tòa án tiếp tục giải quyết. Hơn nữa, liệu có bất nhất về thuật ngữ “hòa giải thành” và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự khi mà Điều 212 BLTTDS 2015 bắt buộc phải thỏa thuận được toàn bộ vụ án. Chưa kể việc chi trả tiền thù lao cho Hòa giải viên khi kết quả hòa giải, đối thoại thành và không thành có sự khác biệt nên đòi hỏi quy định thế nào là hòa giải, đối thoại thành hoặc không thành là cần thiết cho sự minh bạch của pháp luật.

Nhìn ở khía cạnh về thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 4 Luật HGĐT tại Tòa án có thể làm mất cơ hội, mất quyền lợi của bên có quyền nếu họ khởi kiện khi đã hết thời hiệu khởi kiện. Có thể hình dung vụ việc như sau: Người khởi kiện (bên có quyền) nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, sau khi Tòa án nhận đơn kiện và tiến hành thủ tục

hòa giải, đối thoại. Trong quá trình Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại, bên có nghĩa vụ đã thừa nhận nghĩa vụ hoặc thừa nhận một phần nghĩa vụ... thì theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 vụ việc thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. Khi đó, ít nhất bên khởi kiện (bên có quyền) không bị thua kiện vì lý do “hết thời hiệu khởi kiện” nếu có chứng cứ chứng minh điều này khi Tòa án xét xử. Tuy nhiên, Điều 4 Luật HGĐT tại Tòa án quy định “Trong quá trình hòa giải, đối thoại không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải, đối thoại”. Như vậy, nếu trong quá trình tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án, bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện nhưng kết quả hòa giải, đối thoại không thành, vụ án tiếp tục tiến hành xét xử theo thủ tục tố tụng. Lúc này bên có nghĩa vụ lại thay đổi ý kiến không thừa nhận nghĩa vụ và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để bác yêu cầu của nguyên đơn, khi đó, nguyên đơn (người có quyền) không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh người có nghĩa vụ đã thừa nhận nghĩa vụ, một phần nghĩa vụ ở thủ tục hòa giải, đối thoại - tức đã bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện - để bảo vệ quyền lợi cho mình. Hơn nữa, người khởi kiện cũng không thể yêu cầu Hòa giải viên tham gia tố tụng để làm chứng về việc này bởi điểm h khoản 2 Điều 14 Luật HGĐT quy định rõ Hòa giải viên phải “Từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đối với vụ việc mà mình đã tiến hành hòa giải, đối thoại nhưng không thành và được chuyển cho Tòa án giải quyết theo trình tự tố tụng”. Do đó, nếu không chứng minh được bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình, người khởi kiện sẽ đối mặt với kết quả Tòa án bác yêu cầu của họ khi thời hiệu khởi kiện đã hết. Rõ ràng chính quy định ở Điều 4 Luật HGĐT tại Tòa án tạo nên những thiệt hại nhất định cho người khởi kiện.

Thứ hai, trường hợp không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án ở Điều 19, Luật HGĐT tại Tòa án.

Quy định tại Điều 19 Luật HGĐT tại Tòa án không phân định rõ ràng trường hợp nào là không được tiến hành hòa giải, đối thoại và trường hợp

nào là không thể tiến hành hòa giải, đối thoại. Tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 quy định: “1. Yêu cầu đòi bồi thường do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. 2. Vụ việc phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội”. Theo quan điểm của tác giả, đây là trường hợp không được tiến hành hòa giải, đối thoại, bởi vì vụ việc liên quan đến tài sản của Nhà nước và phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội, các trường hợp còn lại của Điều 19 là các trường hợp không thể tiến hành hòa giải, đối thoại. Cần lưu ý, không được tiến hành hòa giải, đối thoại và không thể tiến hành hòa giải, đối thoại được hoàn toàn khác bản chất. “Không được hòa giải, đối thoại” là trường hợp pháp luật không cho phép tiến hành hòa giải, đối thoại trong khi “không thể tiến hành hòa giải, đối thoại” là trường hợp vẫn được phép tiến hành hòa giải, đối thoại nhưng vì những nguyên nhân khác nhau nên không thể tiến hành hòa giải, đối thoại được. Do đó, điều luật hiện hành gộp chung những trường hợp “không thể tiến hành hòa giải, đối thoại” với “không được hòa giải, đối thoại” là chưa xác đáng.

Có thể thấy, tại khoản 3 quy định “người khởi kiện, người yêu cầu, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... đã được mời tham gia hòa giải...”⁷, là vẫn tiến hành hòa giải nhưng vì những nguyên nhân khác nhau nên không thể tiến hành hòa giải, đối thoại được. Hơn nữa, hòa giải, đối thoại tại Tòa án có sự khác biệt đối với các cơ chế hòa giải, đối thoại khác đó là cho phép Hòa giải viên có thể tiến hành hòa giải, đối thoại gặp riêng từng bên⁸. Do đó, nếu đã tiến hành hòa giải, đối thoại và đã thực hiện thủ tục hòa giải, đối thoại gặp riêng từng bên, có bên tham gia cùng Hòa giải viên và đã thống nhất nhiều vấn đề của vụ việc nhưng có bên không tham gia mặc dù đã được mời hợp lệ lần thứ hai thì phải xác định đây là trường hợp “hòa giải không thành” chứ không thể xem đây là trường hợp không tiến hành hòa giải, đối thoại. Do đó, tác giả cho rằng, quy định theo cách như trên là không hợp lý và cần được xem xét, sửa đổi sớm, thậm chí có thể sửa đổi theo tinh thần của BLTTDS 2015, bởi vì BLTTDS đã làm rất rõ về vấn đề này, cụ thể tại Điều 206 và 207 BLTTDS.

Thứ ba, quy định về hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Tại Điều 29, Luật HGĐT tại Tòa án quy định một số trường hợp hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại, nhưng những quy định này vẫn còn chưa rõ ràng. Cụ thể tại điểm b, khoản 1, Điều 29 quy định: “*b) Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan*”. Như vậy, khi Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì xử lý như thế nào? Có hoãn phiên họp hay không? Có chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 41 của Luật này hay không? Thậm chí nếu chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Tòa án giải quyết thì tại Điều 41 Luật này vẫn không đề cập trường hợp xử lý việc chấm dứt hòa giải, đối thoại do Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Như vậy, Tòa án sẽ xử lý như thế nào? Hơn nữa, với quy định như trên có thể tạo ra sự hiểu nhầm là chỉ trong trường hợp Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì mới hoãn, còn không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì không hoãn. Như vậy, nếu không hoãn việc tổ chức phiên họp như thế nào, trong khi chỉ có các bên tham gia có mặt mà Hòa giải viên và Thẩm phán tham gia phiên họp lại không có mặt?

Bên cạnh đó, tại điểm c khoản 1 Điều 29 quy định: “*c) Theo yêu cầu của các bên*”, vậy phải do tất cả các bên yêu cầu mới hoãn hay chỉ cần một trong các bên? Với quy định như vậy, có thể tạo ra sự hiểu nhầm là phải tất cả các bên yêu cầu mới hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại. Thêm nữa, tại điểm c khoản 1 Điều 29 trên quy định sẽ hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án khi các bên có yêu cầu nhưng quy định này vẫn không đặt ra giới hạn định biên tối đa là được yêu cầu bao nhiêu lần. Dẫn đến hệ quả là các bên có thể cố tình yêu cầu hoãn nhiều lần và kéo dài thời hạn hòa giải, đối thoại, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ việc. Hệ quả lớn hơn là có thể kéo dài thời hạn hòa giải, đối thoại tối đa đến khoảng 3 tháng nếu vụ việc hòa giải, đối thoại không thành và phải

chuyển sang giải quyết theo quy định của BLTTDS và Luật Tố tụng hành chính, gây mất thời gian giải quyết vụ việc rất nhiều.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện

Qua phân tích, đánh giá các điểm bất cập, vướng mắc còn tồn tại trong những quy định của Luật HGĐT tại Tòa án như trên, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm kiến nghị hoàn thiện như sau:

Một là, cần xây dựng thống nhất các quy định về bảo mật thông tin với các quy phạm pháp luật hiện hành về quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ dân sự; tố tụng dân sự về chứng cứ,... Theo đó, cần quy định việc hòa giải phải được lập thành văn bản để làm căn cứ xem xét kết quả hòa giải của Hòa giải viên; đồng thời cũng cần thiết để các bên làm căn cứ chứng minh trong quan hệ dân sự; tố tụng dân sự,... thậm chí cho phép các bên tham gia có thể ghi âm lại lời trình bày trong quá trình tiến hành hòa giải đối thoại nếu việc ghi âm, ghi hình phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Bởi lẽ, các chế định pháp luật hiện hành đủ để điều chỉnh các hành vi xâm phạm hình ảnh, bí mật thông tin, đưa tin sai sự thật,...

Hai là, tách Điều 19 Luật HGĐT tại Tòa án thành 2 điều luật: (i) những trường hợp không được hòa giải, đối thoại tại Tòa án, (ii) những trường hợp không thể tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Việc tách ra như trên là hoàn toàn cần thiết, góp phần làm đúng bản chất của từng trường hợp, đồng thời cũng tạo hành lang pháp lý tường minh của luật cũng như tạo căn cứ minh bạch cho việc chi trả thù lao cho Hòa giải viên đã tham gia hòa giải, đối thoại.

Ba là, cần quy định rõ ràng về hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Theo đó, cần bổ sung thêm trường hợp Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải hoãn phiên họp nhưng kèm theo biện pháp chế tài xử lý những Hòa giải viên, Thẩm phán tham gia phiên họp đó khi họ cố tình vắng mặt tại phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Tiếp theo, cần làm rõ “*theo yêu cầu của các bên*” là yêu cầu của một trong các bên hay là tất cả các bên yêu cầu. Tác giả đề xuất làm rõ theo hướng “*một trong các bên yêu cầu*”, bởi lẽ theo tinh thần của điểm a, khoản 1 trong

cùng Điều luật, khi một trong các bên không có mặt cũng không thể tiến hành hòa giải, đối thoại để các bên tham gia thỏa thuận được. Đặc biệt, cần bổ sung giới hạn định biên tối đa số lần mà các bên yêu cầu hoãn phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Theo tác giả, giới hạn định biên tối đa nên không quá 1 lần, trừ trường hợp có lý do chính đáng, để tránh tình trạng các bên cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án, làm mất đi tính hiệu quả, nhanh chóng, kịp thời của công tác hòa giải, đối thoại.

4. Kết luận

Tựu trung lại, cơ chế hòa giải, đối thoại tại Tòa án là một cơ chế pháp lý hoàn toàn mới, không trùng lặp, không mâu thuẫn, không thay thế các cơ chế pháp lý về hòa giải, đối thoại hiện có. Là cơ chế hòa giải, đối thoại đối với những vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà cá nhân, cơ quan, tổ chức đã có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, trước khi Tòa án thụ lý theo quy định của pháp luật tố tụng. Cùng với dòng chảy thời gian, với sự vận động bền vững và mạnh mẽ của xã hội, hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án sẽ ngày càng khẳng định vị trí, vai trò,

ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Bên cạnh những giá trị vật chất xác định được, hòa giải, đối thoại tại Tòa án còn mang lại những giá trị vô giá, đó là những niềm vui, niềm hạnh phúc trong tình cảm giữa người với người, nhất là khi trật tự an toàn xã hội tại cộng đồng dân cư được bảo đảm. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ thế kỷ trước *“xét xử đúng người là tốt, nhưng không phải xét xử thì càng tốt hơn”*. Tuy vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong bước đầu thi hành Luật nhưng bằng sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng, Nhà nước, của các ban ngành cùng các cơ quan hữu quan, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án sẽ được hoàn thiện trong tương lai gần. Qua đó, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính, phù hợp với tâm lý, tình cảm và truyền thống trọng tình, trọng đức, trọng văn trong văn hóa của người Việt. Phát huy những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, tin tưởng rằng nhất định công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án thời gian tới sẽ gặt hái được nhiều thành tựu đáng khích lệ hơn nữa góp phần hoàn thiện các quy định, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

²Tại Hội nghị triển khai công tác Tòa án năm 2019

³Khoản 2, khoản 3, Điều 4 Luật HGĐT tại Tòa án “2. Trong quá trình hòa giải, đối thoại không được ghi âm, ghi hình, ghi biên bản hòa giải, đối thoại. Việc lập biên bản chỉ được thực hiện để ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại theo quy định tại Điều 31 của Luật này. Hòa giải viên, các bên chỉ được ghi chép để phục vụ cho việc hòa giải, đối thoại và phải bảo mật nội dung đã ghi chép. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng tài liệu, lời trình bày của các bên trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau đây: a) Bên đã xuất trình tài liệu, trình bày ý kiến trong quá trình hòa giải, đối thoại đồng ý việc sử dụng tài liệu, lời trình bày của mình trong quá trình hòa giải, đối thoại làm chứng cứ”; b) Phải sử dụng làm chứng cứ theo quy định của luật”.

⁴Xem Điểm a, Điểm b khoản 3 Điều 4 Luật HGĐT tại Tòa án.

⁵Điểm b, khoản 2 Điều 32 Luật HGĐT tại Tòa án: “b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp cho Tòa án tài liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định, nếu xét thấy cần thiết. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Tòa án yêu cầu có trách nhiệm trả lời Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án”.

⁶Khoản 5, Điều 95, BLTTDS 2015 “5. Lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng được coi là chứng cứ nếu được ghi bằng văn bản, băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác chứa âm thanh, hình ảnh theo quy định tại khoản 2 điều này hoặc khai bằng lời tại phiên tòa”.

⁷Xem khoản 3 Điều 19 Luật HGĐT tại Tòa án.

⁸Xem khoản 4 Điều 22 Luật HGĐT tại Tòa án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.*
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
3. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự 2015.*
4. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.*
5. Quốc hội (2020), *Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020.*

Ngày nhận bài: 9/7/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 9/8/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/8/2021

Thông tin tác giả:

BÙI CÔNG HẬU

Sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

**SOME SHORTCOMINGS IN PROVISIONS
ON CONCILIATION AND DISCUSSION PROCEDURES
AT THE PEOPLE’S COURT AND SOLUTIONS**

● **BUI CONG HAU**
Can Tho University

ABSTRACT:

Conciliation and discussion at the People’s Court is a completely new content in Vietnam’s legal system. As a result, the enforcement of these contents has faced some obstacles and difficulties. This paper analyzes and evaluates general provisions and specified provisions on procedures of conciliation and discussion at the People’s Court in order to point out existing obstacles and shortcomings. Based on the paper’s findings, some solutions are proposed to enhance the effectiveness of provisions on conciliation and discussion procedures at the People’s Court.

Keyword: conciliation, discussion at the People’s Court, conciliation procedure, out of court discussion, pre-litigation conciliation and discussion, mediator at the People’s Court.